

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 3 - 2021

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Minh Tiếp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Lươl
2. Bà Trần Thị Lệ Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Danh T, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp 10, xã Vĩnh Viễn A, huyện LM, tỉnh HG (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Thị T, sinh năm: 2000.

Địa chỉ: Ấp 10, xã Vĩnh Viễn A, huyện LM, tỉnh HG (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Danh T trình bày:

Anh T và chị Thị T tự nguyện tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Viễn A, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 24/4/2020. Anh T và chị T sống chung hạnh phúc không được bao lâu thì đến tháng 06/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn

do bất đồng trong quan điểm sống mặc dù nhiều lần hàn gắn nhưng không được, vợ chồng anh T và chị T ly thân từ đó cho đến nay.

Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Danh T yêu cầu được ly hôn với chị Thị T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi tiến hành phiên họp, phiên hòa giải 02 lần bị đơn vắng mặt. Tuy nhiên tại phiên toà bị đơn có mặt và trình bày ý kiến về cơ bản thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn anh T về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung và con chung. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn là do gia đình bên chồng khó khăn. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn”. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị Thị T kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. giữa anh T và chị T đều cho rằng vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. anh T khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với chị T và muốn được ly hôn.

Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa anh T và chị T đã sớm đã ly thân nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được.

Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng anh T và và chị T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T và chị T được ly hôn.

[3] Về con chung: Không có nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: anh T và chị T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: anh T và chị T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Danh T đối với chị Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Danh T và chị Thị T.

2. Về con chung: Không có nên không giải quyết

3. Về tài sản chung: Không có nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Danh T phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0001978 ngày 13/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/3/2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- UBND xã Vĩnh Viễn A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Tiếp

